

55 NĂM NHÌN LẠI

(Tự-Truyện)
NGÔ VĂN QUẾ

Phần IV: Bỏ Lại Quê Hương

- Chương 1: Vượt Biển Đến Úc
- Chương 2 : Úc Đại Lợi, Quê Hương Thứ Hai
- Chương 3: Tham Gia Thiện Nghiệp
- Chương 4: Gia Đình Đoàn Tụ
- Chương 5: 55 Năm Nhìn Lại
- Chương Kết Thúc

Chương 1: Vượt Biển Đến Úc

Như là một qui luật chung, bất kể người ta sống ở một nước nào đó trên thế giới, mọi người dường như đều phải chịu ảnh hưởng những biến động về chính trị xảy ra tại đất nước mà họ sống.

Do cuộc chiến tranh lạnh (The Cold War) bắt đầu kể từ sau khi thế giới đại chiến thứ 2 chấm dứt, đã kết thúc vào cuối thập niên 1980 sau khi Liên -Xô và các nước cộng sản Đông Âu sụp đổ. Và với sự đối đầu của hai khối tư bản và cộng sản, cũng như hậu quả của việc chia đôi nước Việt-Nam, gia đình tôi đã di cư từ miền Bắc vào miền Nam để lánh nạn cộng sản năm 1954.

Biến cố tháng 4 năm 1975, một lần nữa gia đình tôi cũng như những người Việt khác, lại phải bỏ nước ra đi để tỵ nạn cộng sản. Đối với tuyệt đại đa số người Việt-Nam, cộng sản có thể ví như là một thứ bệnh dịch: cộng sản lan tràn tới đâu, họ gieo rắc tai họa đến đó và người ta phải trốn chạy nó bằng mọi cách!

Đối với gia đình tôi, có một điều tôi không thể giải thích được một cách khoa học, mà chỉ có thể mô tả cái điều đó bằng cách dựa theo thực tế, và có tính chất thuộc về tâm linh(spiritual). Cứ mỗi khi gia đình tôi gặp phải một tai biến gì đó, tất cả hầu như đều được tai qua nạn khỏi. Bố và mẹ tôi cho đó là do dòng họ nhà tôi có được vị Tổ rất linh thiêng, luôn luôn phù hộ cho các con, các cháu. Về mặt vật chất, tôi có thể nói rằng cứ mỗi khi gia đình bố mẹ tôi có khó khăn, cơ hội tốt sẽ đến để giúp vượt qua, thùng gạo trong nhà cứ sắp sửa hết, lại có cơ may đưa đến để thùng gạo lại đầy!

Năm 1964, bố mẹ tôi có chút khó khăn về tài chính sau khi mua một căn nhà để ở, người em trai kế tôi tìm được việc làm để phụ giúp thêm cho gia đình. Tiếp đến trong những năm bố tôi phải thuyên chuyển đi khỏi Sài-Gòn để làm việc, gia đình tôi cũng có khó khăn về mặt tiền bạc, phần vì phải chi phí hai nơi phần do giá sinh hoạt lên cao. Lúc đó, kịp thời tôi đã có điều kiện để giúp đỡ bố mẹ tôi một cách tích cực trong thời kỳ này.

Sau biến cố 1975, gia đình tôi cũng bị sa sút về mặt kinh tế, đời sống vật chất bấp bênh và vá vúi. Không một thành viên nào của gia đình có thể giúp đỡ được cho nhau. Mỗi cá nhân lo cho bản thân mình còn không xong, nói chi đến việc giúp đỡ nhau.

Hoàn cảnh của tôi thì thật là thê thảm. Sau khi ra khỏi trại tù cải tạo, tôi không những không tìm được kế sinh sống nào cho mình và cho vợ con, mà còn luôn luôn lo sợ bị bắt lại vào trại tập trung bất cứ lúc nào đó, nếu chế độ cộng sản thấy cần phải làm.

Trong hoàn cảnh như thế, may mắn là vào năm 1981, chúng tôi tìm được phương tiện để vượt biển.

Khoảng tháng 4, 1984, tôi và một bộ phận nhỏ của đại gia đình tôi bắt đầu cuộc hành trình vượt biển, và lần này đã thành công sau vài lần trước đã bị thất bại.

Cuộc hải trình thật là cam go và đầy nguy hiểm, đã có lúc tôi tưởng chừng như phải bỏ mình trên biển cả. Sóng lớn, mất phương hướng, thuyền bị hỏng máy và lênh đênh trên biển trong đêm tối như mực. Cuối cùng, chúng tôi đã đến được một căn cứ hải quân của Nam-Dương (Indonesia) nằm trên một hòn đảo có tên Terampa, sau gần một tuần lênh đênh trên biển Đông.

Đây quả thật là một chuyến đi quá hãi hùng đến nỗi sau này, cứ mỗi lần nghĩ đến nó, tôi lại rợn cả mình, một ác mộng. Ở đảo Terampa được khoảng ba ngày, chúng tôi được chuyển qua đảo Kuku, và sau khi ở đây được khoảng mười ngày, chúng tôi lại được di chuyển qua trại tỵ nạn Pulau Galang.

Trại Pulau Galang, một trong những trại tỵ nạn tại Đông Nam Á, là một trại khá lớn do cao ủy Liên Hiệp Quốc đảm trách. Tại đây, người tỵ nạn được chuẩn bị mọi thứ cần thiết, để được các phái đoàn của các nước tuyển chọn để được định cư tại một quốc gia thứ ba.

Làm việc thiện nguyện, học tiếng Anh và học nghề là những yếu tố cần thiết cho những người tỵ nạn để được cứu xét đơn, và nhận cho đi định cư, trong thời gian sống tại đảo Galang.

Vì thế, sau khi đến Galang Tôi đã xin vào dạy Anh văn thiện nguyện với khối Anh ngữ. Các ứng viên muốn xin dạy Anh văn đều phải qua một cuộc phỏng vấn về trình độ, và nếu được nhận, các ứng viên lại phải theo học một khóa huấn luyện đào tạo giáo viên Anh ngữ, trong thời gian hai tuần lễ.

Đến ngày tham dự cuộc phỏng vấn, tôi được một cô giáo người Nam-Dương(Indonesia) ra tiếp tôi. Sau thủ tục chào hỏi, cô ấy đưa cho tôi khoảng mười bức hình khổ 10x15, với các hình ảnh khác nhau: Về phong cảnh, thú- vật, nhà cửa và cây cối... Không nói gì hơn ngoài việc bảo tôi rằng cô ấy sẽ trở lại gặp tôi trong khoảng 20 phút!

Cầm những bức tranh, tôi thấy ngạc nhiên và tự hỏi không biết mình phải làm gì đây. Tôi định hỏi xem mình phải làm gì với những bức tranh đó, nhưng lại e ngại là mình sẽ bị đánh giá trình độ thấp, hơn nữa, tôi cũng không có dịp để hỏi lại, bởi vì khi ngược nhìn lên, cô ta đã đi ra khỏi phòng rồi!

Tôi cứ loay hoay với mấy bức tranh và suy nghĩ xem phải làm gì. Sau đó không lâu, tôi tìm ra được giải đáp cho tôi : tôi phải mô tả cho cô ta về những gì trong bức tranh đó. Cuối cùng, cuộc phỏng vấn đó cũng êm xuôi, và tôi được nhận theo học khóa đào tạo giáo viên Anh ngữ.

Day tiếng Anh cho người tỵ nạn, rồi làm trưởng khối Anh ngữ mãi cho đến khi gần đến ngày đi định cư tôi mới xin nghỉ làm.

Mặc dù sống tại Galang khoảng 10 tháng, tôi cũng đã có chút kỷ niệm về một khoảng đời sống tỵ nạn tại đây. Cứ mỗi khi bản nhạc "Sài-Gòn Vĩnh Biệt" được phát ra trên loa phóng thanh, đó là dấu hiệu báo cho biết có người dời đảo đi định cư ở một nước thứ ba. Và cứ mỗi lần nghe bản nhạc đó, tim tôi như se lại vì nhớ Sài-Gòn, nhớ đến người thân còn ở lại, và nhớ bạn bè ra đi định cư ở nước khác. Cứ mỗi khi nhắc đến Galang, tôi lại nhớ đến những người bạn đã cùng làm việc với tôi tại khối Anh ngữ... Họ là những người trẻ nhiệt tình, có khả- năng và dễ mến.

Chương 2: Úc Đại Lợi, Quê Hương Thứ Hai.

Sau biến cố 1975, người Việt dùng thuyền nhỏ để vượt biển hoặc đi đường bộ đến các nước thuộc vùng Đông Nam Á như Thái- Lan, Mã- Lai, Phi Luật- Tân và Nam- Dương, sau đó họ được đưa đi định cư ở các nước khác. Số lượng người bỏ nước ra đi ước tính lên đến hàng triệu người, trong đó có đến khoảng 100 nghìn người đã bỏ mạng trên biển cả, trong rừng sâu hoặc bị bắt cóc, và bị giết bởi hải tặc.

Một trong những nước nhận người Việt đến định cư là Úc- Đại- Lợi (Australia). Nước Úc là một lục địa nằm giữa Ấn- Độ- Dương và Nam Thái- Bình- Dương thuộc nam bán cầu. Diện tích nước này là 7, 682, 300 cây số vuông. Dân số của nước Úc tính đến năm 1993 khoảng chừng 17, 262, 000 (mười bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn) người.

Úc Đại Lợi là một quốc gia theo chế độ dân chủ đa nguyên và liên bang, gồm sáu tiểu bang và hai lãnh thổ. Nước này rất giàu về tài nguyên thiên nhiên, và có một hệ thống về an sinh xã hội rất ưu việt, bảo đảm một đời sống vật chất tối thiểu cho mọi người dân khi họ không thể làm việc vì một lý do nào đó.

Người Thổ dân(Aborigines) đã sống trên mảnh đất này khoảng 40, 000 năm trước khi những người da trắng Âu-châu đến đây vào cuối thập niên 1700. Những người Âu-châu đầu tiên đến Úc là những tù nhân của nước Anh, và họ bị đưa đến đây để lưu đày sau khi nước Úc, sau cùng, được tìm thấy bởi thuyền trưởng James Cook, vào năm 1770.

Về mặt chủng tộc, nước Úc khá giống nước Mỹ ở chỗ: Úc cũng có rất nhiều người thuộc các sắc dân khác nhau đến lập nghiệp, từ khắp nơi trên thế-giới. Người ta có thể nói rằng Úc Đại Lợi là một quốc gia của di dân. Phần lớn người Úc đều là di dân đến từ Âu-châu, chủ-yếu là từ Anh-quốc. Sau khi thế giới đại chiến thứ hai chấm dứt, chính phủ Úc đã nhận khoảng bốn triệu rưỡi di dân từ các nước như Ý (Italy), Hi-Lạp(Greece), Nam-Tur (Yugoslavia), Đức(Germany) và Hà-Lan(Netherlands). Tiếp theo đó, vào thập niên 1970, Úc Đại Lợi nhận thêm di dân khác, đến từ Tân-Tây- Lan(Newzealand) và từ các nước thuộc Đông- Nam Á- châu.

Từ sau biến cố 1975 cho đến 1995, số người Việt ở Úc, bao gồm cả những người sinh trưởng tại Việt-Nam và những người sinh ra tại Úc, ước tính khoảng 195,000 người; chiếm một tỷ lệ khoảng hơn 1% tổng số dân của Úc Đại- Lợi.

Tôi đến Úc vào trung tuần tháng 2, khoảng giữa thập niên 80, và lúc bấy giờ là mùa hè ở Úc. Đoàn người Việt tỵ nạn và tôi được di chuyển bằng xe buýt từ phi trường Melbourne về hostel- một nơi tạm trú thuộc vùng Springvale.

Trên đường đi, tôi có dịp quan sát cảnh sắc xung quanh những lộ trình di- chuyển. Đường xá rộng rãi, được trải nhựa phẳng tấp và có cây trồng hai bên. Đất đai thì vẫn còn rộng bát ngát, dù rằng nhà ở, khu kỹ nghệ và các trung tâm thương mại, được kiến trúc hiện đại, mọc lên như nấm.

Ngồi trên xe, thỉnh thoảng tôi nhìn thấy những nhóm người thuộc mọi lứa tuổi, ngồi phơi nắng trên những ghế đá hay trên những thảm cỏ xanh. Tôi tự hỏi trong giây lát, không biết tại sao họ lại phơi nắng như thế để làm gì? Bởi vì ở Việt-Nam không có ai phơi mình ngoài nắng như thế. Khi trời nắng là ai cũng lo đội nón hoặc mũ, và tìm chỗ râm mát để trốn chạy nắng. Sau này, tôi mới hiểu ra rằng người Úc rất thèm nắng, vì một năm, nhất là thời tiết tại Melbourne, mùa Đông hầu như kéo dài khoảng 6 đến 7 tháng! Thời tiết ở thành phố Melbourne khá khắc nghiệt: Có thể có tới bốn mùa trong một ngày. Chuyện về thời tiết ở đây hầu như luôn luôn là đề tài sơ khởi mỗi khi người ta gặp nhau. Và mỗi khi đi ra khỏi nhà, mọi người đều phải thủ sẵn một cái áo chống lạnh để trong xe. Tuy nhiên, Melbourne thỉnh- thoảng cũng có những ngày rất ư là đẹp. Khí hậu mát mẻ, trong lành và có nắng vàng nhạt. Và bầu trời thì xanh biếc, không có lấy một gợn mây.

Sau khi tôi đến và ở tại nhà trọ tạm trú(hostel), việc đầu tiên là gởi thư cho gia đình tôi, những người thân thương của tôi còn ở lại Việt-Nam. Để thực hiện việc này, tôi phải có tiền để mua tem thư. Tuy nhiên, tôi đã không có được một xu tiền Úc trong túi, sau khi mới chân ướt chân ráo đặt chân lên đất Úc mới có mấy ngày. Trong hoàn cảnh đó, may mắn thay, tôi được một người đồng hương đến Úc cùng với tôi cho một tem thư để thực hiện nhu cầu này.

Theo chính sách về di trú, những người tỵ nạn được nhận vào nước Úc như chúng tôi được hưởng trợ cấp an sinh xã hội (hay còn gọi là trợ cấp thất nghiệp) kể từ ngày đến Úc. Tôi không còn nhớ số tiền được cấp phát bao nhiêu một cách chính xác. Song, sau khi trừ tiền ăn và ở tại nhà trọ, tôi chỉ còn lại khoảng gần ba chục đô-la cho mỗi hai tuần.

Sau này, khi tôi đi dạy học, đã có lần có một cô giáo dạy cùng trường hỏi tôi:

- Khi mới đến Úc, chính phủ đã cho mỗi người tỵ nạn mấy chục nghìn, có đúng vậy không?

Tôi hỏi lại cô ta:

- Sao cô biết điều đó?

Cô ta nói:

- Tôi nghe người ta nói như thế.

Tôi trả lời cô ta:

- Tôi không biết người nói với cô dựa vào đâu, và tôi cũng không biết có ai được lãnh số tiền như thế không. Riêng tôi, và rất nhiều người Việt tỵ nạn mà tôi biết, không có ai trong chúng tôi được chính phủ Úc cho một số tiền như thế cả, ngoại trừ trợ cấp an sinh xã hội.

Tạm trú trong nhà trọ được vài tuần lễ, tôi xin ra và thuê nhà để ở. Điều quan trọng đầu tiên lúc này là xin việc làm. Giai đoạn tôi đi tìm việc lúc bấy giờ cũng khá khó khăn. Tôi đã sử dụng các phương tiện như nhờ người quen hoặc qua báo chí để tìm việc.

Lúc đầu, tôi đi xin việc ở hãng chế tạo xe Ford. Tôi chỉ đến hãng xe này xin việc có một lần, nhưng không được nhận. Thêm vào đó, tôi được nghe kể rằng hãng xe này, có khi sử dụng vòi rồng xịt nước để đuổi đám đông người đến xin việc. Thấy vậy, tôi không bao giờ trở lại nơi đó để xin việc nữa!

Đã có lần tôi đi làm ở nông trại (farm), và đi nạy sò, nhưng tôi không sao có thể thích nghi được với những công việc này, dù rằng tôi rất muốn kiếm tiền. Việc làm thì cực nhọc, và lợi tức kiếm được theo khả năng mà tôi có thể cố gắng tối đa thì quá thấp. Vì thế, tôi đành bỏ cuộc để tìm việc khác.

Trong khi tôi mang tâm trạng khá thất vọng về việc làm, tình cờ tôi tìm được một quảng cáo đăng trên báo tuyển công nhân đứng máy tại một hãng dệt vải. Tôi đến xin việc tại hãng dệt này, và sau khi phỏng vấn cũng như khám sức khỏe, tôi được nhận vào làm việc tại đây. Làm việc tại hãng dệt này được khoảng hai tháng, tôi xin nghỉ làm, phần vì phương tiện đi đến hãng này khá không thuận tiện, phần vì có một người quen giới thiệu tôi vào làm cho một hãng chế tạo đinh ốc (Screws/nuts); phương tiện di chuyển dễ dàng hơn.

Phải nói rằng sau một thời gian bất ổn về việc làm, lúc này tôi thấy tôi tạm ổn định trong công việc tại hãng này. Thấm thoát tôi đã làm tại đây được khoảng sáu tháng. Nhưng cuộc đời có những hệ lụy không ngờ. Một hôm, người giám thị về công việc của hãng (superintendent) chuyển tôi qua làm một công việc khác. Tôi phải đẩy xe để chuyển những thanh sắt to và dài, thay vì tôi đứng điều khiển một máy chế tạo đinh ốc. Tôi phải chất những thanh sắt dài từ 3 đến 5 thước lên một cái xe có bánh nhỏ (trolley), và đẩy đi trên một đoạn đường dài để tiếp tế cho các đường dây sản xuất.

Sau khi đẩy được vài chuyến chuyển cây sắt, Tôi cảm thấy vừa tủi thân vừa bất mãn. Tôi nghĩ khi qua Úc, không phải để đi làm công việc như thế này! Và ngay sau đó, tôi ngừng đẩy sắt để đi gặp người giám thị.

Tôi nói với anh ta:

- Tôi không thích làm công việc này, tôi muốn trở về công việc chạy máy.

Anh ta nói với tôi:

- Không có việc để anh chạy máy. Anh phải làm bất cứ việc gì do hãng điều động. Nếu anh không làm, anh có thể xin thôi việc.

Sau khi nghe thế, tôi hết sức bực bội và nói:

- Được, tôi muốn xin nghỉ hãng ngay từ bây giờ!

Anh ta nói rằng để anh ta nói chuyện này với chủ hãng, và một lát sau, anh ấy trở lại nói với tôi:

- Anh không thể nghỉ ngay bây giờ được. Anh vui lòng làm việc cho hết hôm nay, đến 4 giờ chiều nay; sau đó, hãng sẽ thanh toán tiền lương trả anh.

Và thế là tôi lại bị mất việc làm. Với một tâm trạng buồn, chưa biết chừng nào tôi mới có thể tìm được việc làm khác!

Người ta thường nói rằng trong cái rủi có cái may. Tôi thất nghiệp được độ ba tháng, tôi được một người quen cho biết có một trường học đang cần tuyển dụng một phụ giáo. Tôi đến đó xin và được phỏng vấn việc. Sau đó, tôi được nhận vào làm phụ giáo tại một trường trung học, và một trường tiểu học thuộc tiểu bang Victoria. Điều thích thú là cái trường mà tôi được nhận làm việc, cũng là cái trường tôi đã từng ao ước được làm việc ở đó một năm trước, khi tôi có dịp đi ngang qua! Thật vậy, trước đó khoảng một năm, có lần tôi đi tìm việc tại Brunswick. Khi đi ngang qua ngôi trường này, tôi đã ước thầm rằng ước gì tôi được làm việc tại một trường học như thế này. Tôi đã không dám nghĩ tiếp vì cho rằng làm sao điều này lại có thể đến với tôi. Nhưng ước mơ của tôi lại trở thành sự thật, và đây cũng là một bước ngoặt mới trong việc làm của tôi ở Úc.

Lương bổng của một phụ giáo không cao lắm, nhưng công việc tương đối ít áp lực, và vì thế, tôi đã có cơ hội

học thêm được. Tôi đã ghi danh để hoàn tất tiếp bậc đại-học, và sau đó, hoàn tất hậu đại học về ngành sư phạm. Quả là một cố gắng đáng kể để vừa đi học và đi làm!

Việc dạy học ở Úc không giống như ở Việt-Nam. Chính sách giáo dục của Úc chú trọng nhiều vào thực hành hơn là lý thuyết. Các trường học Úc có phương tiện giảng dạy rất dồi dào: từ sách giáo khoa đến các trợ huấn cụ luôn luôn được cung cấp đầy đủ. Khi làm việc trong một môi trường như thế, tôi chợt nghĩ đến phương tiện của trường hồi xưa tôi đi học ở Việt-Nam, thậm chí cả hiện nay, thật quá ư là thiếu thốn! Tuy nhiên, tôi có một nhận xét nhỏ là đa số học sinh ở Việt-Nam lại học chăm chỉ, và có tinh thần hiếu học hơn là học sinh ở Úc!

Một điều đáng nói là chính sách giáo dục của Úc chỉ chú trọng dạy học-sinh về mặt trí dục và thể dục. Học sinh không được dạy về đức dục hay luân lý nơi nhà trường một cách chính thức. Như là một thực tế, không có chuyện “tiên học lễ, hậu học văn” như ở Việt-Nam. Do đó, các thầy cô- giáo rất khó khăn trong việc giảng dạy. Cụ thể, trong lớp học, các giáo viên thường là một mối vì phải đương đầu với việc la rầy học sinh hơn là với việc giảng dạy. Tuy nhiên, quan hệ giữa giáo viên và học sinh ở trường học Úc là rất dân chủ. Học sinh nói chuyện với thầy, cô giáo rất bình đẳng, không phải khép nép hoặc e ngại, nhưng vẫn trong khuôn khổ tương kính và lịch-sự.

Sau khoảng 17 năm làm việc tại một số trường học tại tiểu bang Victoria, tôi đã có nhiều kỷ niệm buồn vui với cuộc đời đi làm nơi trường học; nhưng phải nói vui nhiều hơn. Tôi có thể nói rằng thời gian làm việc trong ngành giáo dục đã là những chuỗi ngày tháng hữu ích về cả vật chất lẫn tinh thần. Chính nơi làm việc này đã cho tôi những cơ hội hiếm có. Tôi đã hoàn tất được việc học dở dang của tôi, chọn được một nghề tôi khá yêu thích, và được làm việc với những mái đầu xanh thuộc mọi chủng tộc, mà tôi cảm thấy thích thú. Tôi còn nhớ câu nói của một nhà giáo Úc khi tôi tham dự một buổi hội thảo về giáo dục, theo tôi, có vẻ hữu lý, và đại khái như thế này: *“Giáo viên tiểu học yêu thích học sinh, giáo viên trung học yêu thích môn dạy, còn giáo sư đại học yêu thích chính họ!”*

Chương 3: Tham Gia Thiện Nguyện

Đời sống ở Úc tương đối khá thoải mái về mọi mặt. Ngoài chuyện đi làm để kiếm sống, người ta còn có thể tham gia vào các sinh hoạt xã hội hay cộng đồng nếu muốn và có thời gian. Tôi đã tham gia Ban Tư Vấn về cơ hội bình đẳng với Hội Đồng thành phố Brimbank trong hai năm liền (Brimbank Council Access & Equity Advisory Committee, 1999-2001). Tôi đã có dịp đóng góp ý kiến đề nghị thư viện thành phố Brimbank mua thêm sách tiếng Việt cho cư dân người Việt sống trong thành phố này. Tôi cũng tham dự các buổi họp do Seniors Forum (Diễn Đàn Cao Niên) tổ chức mỗi 02 tháng một lần. Sau này khi đã nghỉ hưu, tôi tham gia Ban Chấp Hành Hội Cao Niên Việt Hoa Miền Tây tại St Albans, từ 2003 cho đến 2014. Cuối cùng, Tôi dạy kèm thiện nguyện cho học sinh tại Trung Tâm Cộng Đồng Wesvale cũng tại St Albans.

Tham gia vào các sinh hoạt tại địa phương cho tôi cơ hội hiểu biết các thông tin cần thiết, có cơ hội phục vụ cộng đồng thiện nguyện, và có thể hội nhập vào các cộng đồng khác. Làm thiện nguyện đôi khi cũng gặp những chuyện khá bất ngờ và hi hữu. Khi tôi làm thiện nguyện với Dịch Vụ Giáo Dục Di Dân (Adult Migrants Education Services-AMES), tôi được phân bổ đến nhà dạy kèm Anh Ngữ cho một người di dân mới đến Úc. Anh này trạc độ trên 40 tuổi, có vợ con, làm nghề chế tạo cửa sắt. Trong buổi gặp đầu tiên tại nhà anh ta, sau cuộc trò chuyện xã giao, tôi nói với anh ấy rằng tôi được phân bổ đến để giúp anh học tiếng Anh tại nhà vì anh ta có việc làm nên ta không có thời gian đến dự lớp học tại Trung Tâm Giáo Dục Anh Ngữ Di Dân. Sau đó, anh ấy cho biết rằng thật sự anh ấy chưa chuẩn bị thời giờ để học tiếng Anh bởi vì mới tới Úc, anh ta cần làm việc để ổn định đời sống trước khi có thể dành thời gian để học Anh ngữ. Trước tình hình này, tôi thấy khách quan đã ảnh hưởng về tinh thần học của người học viên này. Tuy nhiên tôi cũng thông cảm và cố gắng động viên để giúp anh này. Tôi có ý kiến với anh ấy rằng chính phủ đã tìm người đến nhà giúp anh học Anh ngữ để anh có thể giao tiếp với cộng đồng tại Úc, đó là cơ hội tốt. Và tôi sẽ đến nhà để giúp anh học bất cứ khi nào thuận tiện về thời gian cho anh ta. Cuối cùng chúng tôi đã đồng ý rằng giờ dạy kèm là trên căn bản không thường xuyên, chỉ khi nào anh ta không làm việc mà thôi!

Tôi đã kiên nhẫn giúp anh ta có lẽ được một thời gian khoảng hơn hai tháng. Vì thời gian dành để học càng ngày càng ít đi, do thời gian dành để anh ấy làm việc để kiếm tiền tăng dần. Sau đó tôi đã báo nghỉ dạy thiện nguyện cho học viên này. Ai ngờ đâu làm thiện nguyện cũng phức tạp lắm! Người Việt tỵ nạn ở Úc thường có câu nói đùa vui để mô tả về làm thiện nguyện cho cộng đồng, đại để, “*Ăn cơm nhà vác ngà voi.*” Nói lên một phần ý nghĩa về sự bận rộn, mệt nhọc và đôi khi gây phiền toái, khi tham gia giúp việc cộng đồng, nhất là những việc có tính trách nhiệm cao. Tôi quan niệm đơn giản, làm thiện nguyện là một cách giúp mình, giúp người khác, và điều quan trọng là phải thoải mái trong bất cứ công việc nào. Trong đời, làm việc để kiếm tiền là quan trọng, nhưng làm thiện nguyện cũng mang lại phần thưởng tinh thần.

Liên Hiệp Quốc, năm 1985 đã quyết định chọn ngày 05-12 là ngày Thiện Nguyện Quốc tế (International Volunteer Day) để tổ chức lễ mừng mỗi năm. Và theo tin từ báo The Senior News, phát hành 12/2017, nước Úc có 5. 8 triệu người, tức 31% dân số tham gia vào các hoạt động thiện nguyện.

Chương 4: Gia Đình Đoàn Tụ

Tôi được chính phủ Úc Đại Lợi chấp thuận cho định cư và đến Melbourne ngày 14-02-1985 sau khoảng một năm ở trại tỵ nạn Pulau Galang, Indonesia. Và phải chờ đợi cho đến ngày 14-02-1990, vợ chồng con cái chúng tôi mới được đoàn tụ, vì năm 1984, khi tôi vượt biển, vợ con tôi không đi cùng, dù rất muốn! Tôi và vợ tôi, trong cuộc sống vợ chồng, đã hai lần phải sống xa nhau: lần thứ nhất là gần bảy năm, khi tôi phải đi tập trung tù cải tạo, sau ngày “đứt phim” 30-04-1975; lần thứ hai là hơn sáu năm, khi tôi bỏ nước đi tìm tự do, năm 1984. Mặc dù vợ chồng chúng tôi đã phải sống xa nhau tổng cộng hơn 13 năm, thật là may mắn, chúng tôi vẫn còn nhau!

Trời cho sao hưởng thế, chúng tôi có hai cô con gái: Đan-Hạ và Nhã-Phượng, các cháu đều tốt nghiệp đại học, đi làm, đã có gia đình riêng và may mắn có nhà ở gần chúng tôi. Khi đã đến tuổi xế chiều, có được cơ hội gần con và cháu là cả một đặc ân lớn của cuộc đời, Tôi cho là như vậy. Chúng tôi mới được hai cháu ngoại (Emily) và (Charlie) rất ư là dễ thương. Khi các cháu độ 2, 3 tuổi, người lớn nói gì hay làm gì, các cháu cũng muốn bắt chước theo. Tôi nhớ có lần vợ tôi gọi tôi, “anh à”, thế là cháu Charlie cũng gọi tôi bằng “anh à” theo cách phát âm của cháu “a-nà”; còn cháu Emily gọi là “nhà nhà”. Thành thạo Tôi nựng các cháu bằng cách nói “cha mẹ nó”. Thế mà có lần cháu Emily cũng bắt chước và nói với cháu Charlie, “cha mẹ nó”!!! Tôi chỉ ước mong sao cho gia đình luôn mãi được hạnh phúc, nhất là các con và các cháu chúng tôi thương yêu nhau, và trân quý tình cảm với nhau một cách vô điều kiện.

Hầu như toàn bộ anh em tôi đều được định cư tại Úc Đại Lợi. Vì thế, năm 1995, chúng tôi bắt đầu làm đơn bảo lãnh Bố Mẹ chúng tôi qua đoàn tụ. Tuy nhiên việc này đã không được như ý do tình trạng sức khỏe của bố tôi không được tốt, và hồ sơ bảo lãnh vì vậy bị từ khước. Điều đáng buồn không những cho chúng tôi mà còn cả cho bố tôi là đại gia đình đã không có dịp đoàn tụ tại Úc vào thời điểm đó. Và bố tôi đã qua đời tại Việt-Nam năm 2002. Sau khi bố tôi mất, chúng tôi lại làm đơn để bảo lãnh mẹ chúng tôi qua Úc. Lần này do mẹ tôi có sức khỏe khả quan, nhất là làm đơn bảo lãnh theo diện đóng tiền (Parents Contributory Visa Category) đã được thành công. Và ngày 09 tháng 10 năm 2004, mẹ tôi qua Úc để đoàn tụ với các con và các cháu.

Như là một qui luật tự nhiên -đến tuổi tự lập- tôi bắt đầu xa bố mẹ năm tôi 22 tuổi để sống tự lập, sống xa gia đình và chỉ thỉnh thoảng về thăm bố mẹ và các em tôi trong một thời gian ngắn ngủi. Chặng thời gian dài và liên tục đầu tiên Tôi sống bên mẹ tôi là từ lúc sinh ra cho đến khi tôi vào đời năm 22 tuổi. Và chặng thời gian dài thứ hai tôi được sống liên tục gần mẹ tôi là từ khi mẹ tôi qua Úc sống với con cháu. Anh em chúng tôi rất yêu thương nhau, và như là một truyền thống gia đình, chúng tôi luôn sát cánh với nhau mỗi khi cần.

Những lúc rảnh rỗi, tôi thường cùng mẹ tôi chuyện trò về một số sự việc xảy ra trong quá khứ ở quê nhà. Về mặt này, thật sự tôi cũng không biết và nhớ nhiều vì còn nhỏ tuổi; nhưng chủ yếu tôi gọi chuyện và đặt câu hỏi để mẹ tôi nói. Làm như thế có hai điều lợi: Thứ nhất, tôi có dịp biết thêm về một số sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, và thông tin về họ hàng xa gần. Thứ hai, mẹ tôi có dịp luyện cho não bộ làm việc và có thể tránh được nguy cơ bệnh lú lẫn lúc tuổi già (Dementia).

Một trong những câu chuyện khá cảm kích mà tôi đã gọi lại cho mẹ tôi kể là khi mẹ tôi, cá nhân tôi khoảng 7 tuổi, và em trai tôi khoảng 3 tuổi bị du kích Việt- Minh bắt giữ năm 1950. Theo lời mẹ tôi cho biết, vào một buổi trưa nắng, độ hơn 12 giờ, ngay sau khi mẹ tôi vừa đi làm ruộng về nhà, có chừng ba du kích Việt-Minh xông vào nhà yêu cầu mẹ tôi đi theo họ về cơ quan làm việc. Mặc dù mẹ tôi nài nỉ xin họ cho thời gian để ba mẹ con chúng tôi chuẩn bị và ăn bữa trưa trước khi rời nhà, họ nhất quyết không đồng ý ép buộc phải đi ngay. Và mẹ con chúng tôi đành nhịn đói theo họ. Sau khoảng 5 hoặc 6 giờ đi bộ, khi họ đưa chúng tôi đến khu vực giam giữ, trời đã tối đen. Mẹ con chúng tôi bị tạm giam trong một gian phòng nhỏ, trong căn nhà của một người dân, nằm ngủ không có chăn và chẳng có mùng; họ để mặc chúng tôi ở đó và bỏ đi! Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy, ai cũng mệt nhoài vì mất ngủ do muỗi đốt, lạnh và đói. Tôi còn nhớ tôi đã khóc vì đói và em trai tôi cũng khóc theo. Tôi cứ liên tục khóc và kêu “*Mẹ ơi, con đói quá!*”. Trước tình huống đó, mẹ tôi buộc phải đi gặp du kích Việt-Minh để xin thả về. Sau khi gặp được họ, mẹ tôi trình bày lý do rằng anh em chúng tôi khóc vì đói nên xin thả về nhà, và chúng tôi phải đợi rất lâu trước khi được thả ra.

Sau hiệp định ngày 6-3-1946, và nhất là hiệp định ngày 8-3-1949 giữa cựu hoàng Bảo-Đại và Tổng-Thống Pháp Vincent Auriol, Pháp trao trả độc lập cho Việt-Nam và rồi Việt-Nam tham gia Liên Hiệp Pháp trong liên bang Đông –Dương, quân đội quốc gia được thành lập khoảng đầu năm 1950. Và bố tôi đã xin gia nhập quân đội quốc gia vào thời điểm này. Đây chính là lý do -theo mẹ tôi cho biết- du kích địa phương đã bắt giữ mẹ tôi, bởi vì trước khi cho về, họ bắt mẹ tôi phải hứa động viên bố tôi dời bỏ hàng ngũ quân đội quốc gia.

Đời người ta là vô thường, như Đức Phật đã nói, “***Vạn pháp vô thường, luôn luôn sinh diệt.***” (Thích Nhất Hạnh, 2016: Trg. 526), sau gần 13 năm sống với con cháu tại Úc Đại Lợi, mẹ tôi đã vĩnh viễn ra đi về nơi vĩnh hằng một cách thanh thản ngày 30-03-2017, hưởng thọ 93 tuổi, tức là 15 năm sau khi bố tôi qua đời.